

PHÒNG DKSY

NGÀY 20 THÁNG 8 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						417 865	133 370	284 495			
I		<u>CẢNG CHÍNH</u>						<u>123 330</u>	<u>22 815</u>	<u>100 515</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						<i>21 530</i>	<i>21 420</i>	<i>110</i>			
1		NHÔM ĐẮK NÔNG	17/8	2100/8	27/8	VIỆT THUẬN 10-02	CẨM 5A.1	4 950	4 946	4	19/8	HỘ LỚN	
2		NHÔM LÂM ĐỒNG	17/8	2101/8	27/8	VIỆT THUẬN 10-02	CẨM 5A.1	4 800	4 796	4	19/8	HỘ LỚN	
3		NHÔM ĐẮK NÔNG	16/8	2081/8		VIỆT THUẬN 075-01	CẨM 5A.1	3 600	3 595	5	19/8	HỘ LỚN	
4		NHÔM LÂM ĐỒNG	16/8	2082/8		VIỆT THUẬN 075-01	CỤC 4A.2	3 200	3 149	52	19/8	HỘ LỚN	
5		ĐẠM NINH BÌNH	18/8	523	28/8	NB 8829	Cẩm 4a.1	2 740	2 717	23	19/8	HỘ LỚN	
6		TRƯỜNG ANH 888	11/8	2028/8	18/8	BN 1883	CỤC XỔ 1C	1 100	1 088	12	18/8	TD	
7		CP TTC	19/8	2125/8	26/8	HN 2028	CỤC 4A.1	1 140	1 129	11	19/8	TD	
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						<i>2 200</i>	<i>1 396</i>	<i>804</i>			
1		SX & TM THAN UÔNG BÍ	14/8	1989/8	21/8	BN 2196	CỤC XỔ 1C	1 100	629	471	RÓT DỖ	TD	GIA HẠN L1
2		ĐTTM & DỊCH VỤ	15/8	2073/8	22/8	BN 0679	CẨM 4A.1	1 100	767	333	RÓT DỖ	TD	
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						<i>99 600</i>		<i>99 600</i>			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	13/7	455B/7		VIỆT THUẬN 26-01	CẨM 6A.1	25 600		25 600		HỘ LỚN	Thay TBRT số 455/7 TTCO: 25.600
2		ĐIỆN LỰC/DẦU KHÍ	28/7	484/7		VIỆT THUẬN 235-01	CẨM 5A.10	23 000		23 000		HỘ LỚN	TTCO: 23.000
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	17/8	522/8		VIỆT THUẬN 235-02	CẨM 6A.1	25 100		25 100		HỘ LỚN	TTCO: 25.100
4		NHÔM ĐẮK NÔNG	19/8	2119/8		THANH BÌNH 68	CẨM 5A.1	2 900		2 900		HỘ LỚN	
5		NHÔM LÂM ĐỒNG	19/8	2120/8	29/8	THANH BÌNH 68	CẨM 5A.1	4 200		4 200		HỘ LỚN	
6		KDT MIỀN BẮC	19/8	2117/8	29/8	HOÀNG ANH 268	CẨM 5A.1	3 750		3 750		PTCB	
7		MẬT TRỎI VIỆT NINH BÌNH	15/8	2002/8	22/8	BN 8530	CỤC XỔ 1C	1 200		1 200		TD	GIA HẠN L1
8		THAN MIỀN TRUNG	12/8	2045/8	19/8	VIỆT TRUNG 68	CỤC XỔ 1C	1 300		1 300		TD	
9		ĐTTM & DỊCH VỤ	15/8	2070/8	22/8	BN 2665	CẨM 4A.1	2 200		2 200		TD	
10		THAN SỐNG HỒNG	16/8	2079/8	23/8	BN 1816	CẨM 4A.1	1 000		1 000		TD	
11		THAN SỐNG HỒNG	16/8	2080/8	23/8	BN 1856	CẨM 4A.1	1 050		1 050		TD	
12		VTA	17/8	2093/8	24/8	BN 2611	CẨM 8A	1 100		1 100		TD	
13		ĐTTM & DỊCH VỤ	18/8	2115/8	25/8	HN 2402	CẨM 4A.1	2 500		2 500		TD	
14		XD CN MỎ	19/8	2121/8	26/8	BN 8707	CỤC XỔ 1C	1 300		1 300		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSY

NGÀY 20 THÁNG 8 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
15		CP VINH THẮNG	19/8	2123/8	26/8	BN 0679	CỤC 5A.1	1 200		1 200		TD	
16		KDT MIỀN BẮC	19/8	2130/8	26/8	HP 5915	CẨM 1	2 200		2 200		TD	
								<u>148 900</u>	<u>69 785</u>	<u>79 115</u>			
		Tàu đã làm hàng						29 400	29 220	180			
1		ĐIỆN VINH TÂN 1	14/8	515/8		VIỆT THUẬN 30-05	CẨM 6A.1	29 400	29 220	180	19/8	HỘ LỚN	TTHG: 23.991,62 - KVCP: 5.228,49
		Tàu dự kiến rút trong ngày						93 200	40 565	52 635			
1		ĐIỆN VINH TÂN 1	11/8	512/8		HẢI NAM 39	CẨM 6A.1	28 650	21 045	7 605	ĐỎ	HỘ LỚN	TTHG: 23.000 KVCP: 5.650
2		ĐIỆN VINH TÂN 1	14/8	516/8		VIỆT THUẬN STAR	CẨM 6A.14	41 250	8 700	32 550	ĐỎ	HỘ LỚN	KDTCP: 10.000 - CLM: 20.000 - KVCP: 11.250
3		ĐIỆN VŨNG ÁNG	14/8	513/8		TRƯỜNG NGUYỄN STAR	CẨM 5A.10	23 300	10 820	12 480		HỘ LỚN	CLM: 23.300
		Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)						26 300		26 300			
1		ĐIỆN VINH TÂN 1	19/8	524/8		TRƯỜNG NGUYỄN SKY	CẨM 6A.1	26 300		26 300		HỘ LỚN	TTHG: 21.000 - KVCP: 5.300
II		KHO G9-HÓA CHẤT						<u>68 162</u>	<u>8 803</u>	<u>59 359</u>			
		Tàu đã làm hàng						2 830	2 815	16			
1		KDT HẢI PHÒNG	17/8	2089/8	27/8	HP 5902	CẨM 6B.1	1 450	1 444	6	19/8	PTCB	
2		TM THAN UÔNG BÍ	17/8	2098/8	24/8	HD 1839	CẨM 8A	1 380	1 370	10	19/8	TD	NGUỒN ĐN-CS
		VIỆT THUẬN 235-07	17/8	4 217		V-TRACO 27	TNK - LÃO	3 900	3 777	123	19/8	BỐC THAN NK	
		Tàu dự kiến rút trong ngày						12 461	5 988	6 473			
1		KDT MIỀN BẮC	17/8	2102/8	27/8	HD 1256	CẨM 6B.1	1 345	672	673	RÓT ĐỎ	PTCB	
2		KDT CẦU ĐUỐNG	18/8	2110/8	28/8	BN 1916	CẨM 7C	1 440	777	663	RÓT ĐỎ	PTCB	NGUỒN ĐN-CS
3		KDT HÀ BẮC	18/8	2114/8	28/8	BN 1991	CẨM 4A.1	1 650	776	874	RÓT ĐỎ	PTCB	NGUỒN CS
4		KDT HÀ BẮC	19/8	2127/8	29/8	BN 1313	CẨM 7B	1 845	884	961	RÓT ĐỎ	PTCB	NGUỒN CS
5		CROMIT CỎ ĐỊNH THANH HÓA	13/8	1980/8	20/8	HD 1818	CẨM 8A	1 981	1 006	975	RÓT ĐỎ	TD	NGUỒN ĐN-CS GIẢ HẠN LẦN 1
6		THAN MIỀN NAM	14/8	2065/8	21/8	HẢI ÂU 199	CẨM 8A	2 300	1 032	1 268	RÓT ĐỎ	TD	NGUỒN ĐN-CS
7		KDT HẢI PHÒNG	17/8	2083/8	24/8	BN 2366	CẨM 8B	1 900	841	1 059	RÓT ĐỎ	TD	NGUỒN ĐN-CS
		Tàu đã làm lệnh						52 871		52 871			
1		CROMIT THANH HOÁ	18/8	2105/8	28/8	TH 0686	CẨM 7C	964		964		PTCB	NGUỒN ĐN-CS
2		KDT HẢI PHÒNG	18/8	2111/8	28/8	HP 4854	CẨM 7C	1 350		1 350		PTCB	NGUỒN ĐN-CS
3		KDT HÀ NỘI	11/8	1922/7	18/8	BN 0988	CỤC XỔ 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS GIẢ HẠN LẦN 2
4		DVVT QUẢNG NINH	11/8	1937/7	18/8	BN 2139	CỤC XỔ 1A	1 050		1 050		TD	NGUỒN ĐN-CS GIẢ HẠN LẦN 2

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 20 THÁNG 8 NĂM 2026

[illegible]

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSY

NGÀY 20 THÁNG 8 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		Tàu đã làm lệnh											
IV		KHO CẢNG KM6						18 851	8 348	10 503			
		Tàu đã làm hàng						7 831	7 771	60			
1		SX TM THAN UÔNG BÍ	17/8	2090	24/8	HP 6400	Don 8a	1 126	1 087	39	19/8	TD	
2		DV VT QUẢNG NINH	18/8	2 103	25/8	HP 6739	Bùn 3c	1 070	1 059	11	19/8	TD	
3		KDT MIỀN BẮC	17/8	2088	27/8	BN 2728	Cám 6a.1	2 585	2 585		19/8	PTCB	
4		XNK THAN VINACOMIN	18/8	2 108	28/8	HOÀNG ANH 36	Cám 5b.1	3 050	3 040	10	19/8	PTCB	
		Tàu dự kiến rút trong ngày						4 350	577	3 773			
1		NHÔM LÂM ĐỒNG	19/8	2 131	29/8	TRUNG HIẾU 68	Cục 4A.2	1 400		1 400		HỘ LỚN	
							Cám 5a.1	1 750		1 750		HỘ LỚN	
2		MẶT TRỜI VIỆT NINH BÌNH	17/8	2096	24/8	BN 2969	Don 8a	1 200	577	623	RÓT DỖ	TD	
		Tàu đã làm lệnh						6 670		6 670			
1		NHÔM LÂM ĐỒNG	19/8	2 126	29/8	HOÀNG ANH 39	Cám 5a.1	1 630		1 630		HỘ LỚN	
							Cục 4A.2	1 340		1 340		HỘ LỚN	
2		CROMIT CӨ THANH HÓA	17/8	2084	27/8	MINH TÂN 68	Cám 5a.1	3 700		3 700		PTCB	
V		TÀU XUẤT KHẨU						15 000	-	15 000			
		Tàu đã làm hàng											
		Tàu dự kiến rút trong ngày											
		Tàu đã làm lệnh						15 000		15 000			
1		INDONESIA	7/8	5589		MV HUI FENG HAI 16	CỤC 5B.2	15 000		15 000			
2		HÀN QUỐC	17/8	68/8		MV HAI PENG	CỤC 4B.3	5 000		5 000			
VI		TÀU NHẬP KHẨU		ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH				41 906	21 912	19 994			
		Tàu đã làm hàng						10 000	9 912	88			
1		LÀO	13/8	5704		VIỆT THUẬN 235-07	Than Anthracite Lào	10 000	9 912	88	19/8		KVCP:10.000
		Tàu dự kiến rút trong ngày						17 000	12 000	5 000			
1		ỨC	12/8	5680		MV WOOLLOOMOOLOO	Than nhiệt xuất xứ từ Úc	17 000	12 000	5 000	BỐC DỖ		TTCO: 12.000 KVCP: 5.000
		Tàu đã làm lệnh						14 906		14 906			
1		NAM PHI	13/8	5705		MV COMMON SPIRIT		14 906		14 906			TTCO: 5.000 - KVCP: 9.960

